

# CÂU BỊ ĐỘNG (PASSIVE VOICE)

## 1. Khái niệm

Câu bị động là câu trong đó chủ ngữ không thực hiện hành động mà chịu tác động của hành động. Câu bị động được dùng khi muốn nhấn mạnh đối tượng chịu tác động hơn là chủ thể thực hiện hành động.

## 2. Cấu trúc chung

**Công thức:** Chủ ngữ + to be + Past Participle (V3/ed) + (by + tác nhân)

**Ví dụ:**

Active: The cat eats the fish. (Con mèo ăn con cá.)

Passive: The fish is eaten by the cat. (Con cá được ăn bởi con mèo.)

## 3. Cấu trúc câu bị động theo các thì

Thì (Tense)	Câu chủ động (Active)	Câu bị động (Passive)
Hiện tại đơn	S + V(s/es) + O	S + am/is/are + V3 + (by O)
Hiện tại tiếp diễn	S + am/is/are + V-ing + O	S + am/is/are + being + V3 + (by O)
Hiện tại hoàn thành	S + have/has + V3 + O	S + have/has + been + V3 + (by O)
Quá khứ đơn	S + V2/ed + O	S + was/were + V3 + (by O)
Quá khứ tiếp diễn	S + was/were + V-ing + O	S + was/were + being + V3 + (by O)
Quá khứ hoàn thành	S + had + V3 + O	S + had + been + V3 + (by O)
Tương lai đơn	S + will + V1 + O	S + will + be + V3 + (by O)
Tương lai gần	S + am/is/are + going to + V1 + O	S + am/is/are + going to + be + V3 + (by O)
Động từ khuyết thiếu	S + modal verb (can, should, must...) + V1 + O	S + modal verb + be + V3 + (by O)

## **4. Ví dụ minh họa**

### **Hiện tại đơn:**

- Active: She cleans the room every day.
- Passive: The room is cleaned every day (by her).

### **Quá khứ đơn:**

- Active: He wrote a letter.
- Passive: A letter was written by him.

### **Hiện tại hoàn thành:**

- Active: They have built a new bridge.
- Passive: A new bridge has been built by them.

### **Tương lai đơn:**

- Active: They will announce the results tomorrow.
- Passive: The results will be announced tomorrow.

### **Động từ khuyết thiếu:**

- Active: You must finish the report.
- Passive: The report must be finished (by you).

## **5. Khi nào dùng câu bị động?**

- Khi không biết hoặc không cần biết ai thực hiện hành động.
- Khi muốn nhấn mạnh đối tượng chịu tác động.
- Khi chủ ngữ là “people”, “someone”, “they” mơ hồ.
- Trong văn phong khoa học, báo chí, quy trình.

## **6. Lưu ý quan trọng**

- By + tác nhân có thể lược bỏ nếu không quan trọng.
- Chỉ các động từ có tân ngữ (transitive verbs) mới chuyển được sang bị động.
- Câu bị động thường dùng với get trong văn nói: The glass got broken.

## BÀI TẬP

### Bài tập 1: Chuyển câu chủ động sang bị động

1. People speak English all over the world.  
→ English \_\_\_\_\_.
2. They built this house in 1990.  
→ This house \_\_\_\_\_.
3. Someone has stolen my bicycle.  
→ My bicycle \_\_\_\_\_.
4. She will send the email tomorrow.  
→ The email \_\_\_\_\_.
5. They are repairing the road.  
→ The road \_\_\_\_\_.
6. You must do this exercise carefully.  
→ This exercise \_\_\_\_\_.
7. Someone was cleaning the room when I arrived.  
→ The room \_\_\_\_\_.
8. They had finished the project before the deadline.  
→ The project \_\_\_\_\_.
9. We can solve this problem.  
→ This problem \_\_\_\_\_.
10. They are going to organize a party next week.  
→ A party \_\_\_\_\_.

### Bài tập 2: Chọn dạng đúng của động từ trong ngoặc

1. The letter (write) \_\_\_\_\_ by him yesterday.
2. Coffee (grow) \_\_\_\_\_ in Brazil.
3. The new museum (open) \_\_\_\_\_ next month.
4. This song (listen) \_\_\_\_\_ to by millions of people.
5. The car (repair) \_\_\_\_\_ at the moment.
6. The homework (must/do) \_\_\_\_\_ before class.

7. The window (break) \_\_\_\_\_ by the storm last night.
8. The report (already/submit) \_\_\_\_\_ to the manager.
9. Dinner (prepare) \_\_\_\_\_ by my mother every day.
10. The thief (catch) \_\_\_\_\_ by the police yesterday.

### Bài tập 3: Viết lại câu, dùng dạng bị động

1. They make these toys in China.  
→ These toys \_\_\_\_\_.
2. Someone will clean the office later.  
→ The office \_\_\_\_\_.
3. They have cancelled the meeting.  
→ The meeting \_\_\_\_\_.
4. People should protect the environment.  
→ The environment \_\_\_\_\_.
5. Nobody has used this computer for years.  
→ This computer \_\_\_\_\_.
6. They are interviewing the candidates now.  
→ The candidates \_\_\_\_\_.
7. Someone must tell him the truth.  
→ He \_\_\_\_\_.
8. They had prepared everything before we arrived.  
→ Everything \_\_\_\_\_.
9. They will deliver the package tomorrow.  
→ The package \_\_\_\_\_.
10. People often misunderstand her intentions.  
→ Her intentions \_\_\_\_\_.

### Bài tập 4: Tìm và sửa lỗi sai trong câu bị động

1. The book was wrote by a famous author.
2. The cake has been ate by the children.
3. The problem can be solve easily.

4. A new bridge is being build across the river.
5. The message will sent soon.
6. My wallet has stolen yesterday.
7. The door was being painted when I see it.
8. This song is often sing by her.
9. The report must been finished today.
10. The house was clean by us last week.

#### **Bài tập 5: Dịch câu sau sang tiếng Anh dùng thẻ bị động**

1. Cái cốc đã bị vỡ bởi đứa trẻ.  
→ \_\_\_\_\_
2. Bài hát này được hát bởi rất nhiều ca sĩ.  
→ \_\_\_\_\_
3. Cánh cửa sẽ được sơn vào ngày mai.  
→ \_\_\_\_\_
4. Bức thư đã được gửi đi sáng nay.  
→ \_\_\_\_\_
5. Tiếng Anh được dạy ở nhiều trường học.  
→ \_\_\_\_\_